

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/DS-ST
Ngày: 18 - 8 - 2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Ngọc Nam

Ông Nguyễn Hữu Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Danh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2025/TLST- DS ngày 11 tháng 3 năm 2025 về việc “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST- DS ngày 31 tháng 7 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ;

Địa chỉ: Số B N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội (Nay là số B N, phường C, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L – Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Xuân T – Chức vụ: Giám đốc khối quản lý và tái cấu trúc tài sản.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Hồ Việt H – Chức vụ: Phó giám đốc khối quản lý và tái cấu trúc tài sản.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Công T1 – Chuyên viên quản lý khách hàng. (Có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T2 – sinh năm: 1985; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa (Nay là khu phố T, phường S, tỉnh Thanh Hóa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2024 và bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án cũng như lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đ trình bày:*

Ngày 03/4/2018, ngân hàng TMCP Đ và bà Nguyễn Thị T2 đã ký kết hợp đồng hạn mức thấu chi số CN139/2018/HĐHMTC-PVBĐT với số tiền vay là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), thời gian cho vay 12 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất tại thời điểm ký kết hợp đồng 14,5%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà Nguyễn Thị T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, khoản vay đã chuyển thành khoản nợ quá hạn, mặc dù ngân hàng TMCP Đ đã rất nhiều lần đôn đốc trả nợ, gửi thông báo cũng như làm việc trực tiếp nhưng bà Nguyễn Thị T2 đều không thực hiện. Nghĩa vụ nợ của bà T2 theo hợp đồng tín dụng tại P tạm tính đến ngày 24/9/2024 là 372.228.748đ (Ba trăm bảy mươi hai triệu hai trăm hai tám nghìn bảy trăm bốn tám đồng). Trong đó nợ gốc là 165.718.887 đồng, nợ lãi là 206.509.861 đồng.

Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của P đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thanh Hóa) giải quyết:

1. Buộc bà Nguyễn Thị T2 thanh toán toàn bộ nghĩa vụ nợ, bao gồm nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng cho P, tổng nghĩa vụ phải trả tạm tính đến ngày 24/9/2024 là 372.228.748 đồng, trong đó nợ gốc là 165.718.887 đồng và nợ lãi là 206.509.861 đồng.

2. Buộc bà Nguyễn Thị T2 phải trả cho P các khoản nợ lãi, với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 24/9/2024 cho đến khi tất toán khoản nợ.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị T2:* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Nguyễn Thị T2 không đến làm việc và gửi văn bản trình bày ý kiến của mình, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản không tiến hành hòa giải được và thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa Nguyên đơn ngân hàng TMCP Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thanh Hóa giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T2 phải thanh toán cho P toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 18/8/2025 là 388.853.309 đồng, trong đó nợ gốc là 150.728.192 đồng, nợ lãi là 238.125.117 đồng. Bà Nguyễn Thị T2 tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh với mức lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 19/8/2025 cho đến khi bà T2 thanh toán xong khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn bà Nguyễn Thị T2 có nơi cư trú tại phường Q, thành phố S (Nay là phường S, tỉnh Thanh Hóa) nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4 là đúng quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 Nghị quyết thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; điểm b khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị T2 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T2.

[3]. Về nội dung yêu cầu giải quyết: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác để biết những vấn đề cụ thể mà ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời được triệu tập đến Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của đương sự. Tuy nhiên bị đơn bà Nguyễn Thị T2, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để làm bản khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố. Do không thực hiện nghĩa vụ của đương sự, nên phải chịu hậu quả do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Tòa án căn cứ

vào các tài liệu, chứng cứ mà bà nguyên đơn giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

- Đối với hợp đồng tín dụng số CN139/2018/HĐHMTCP-PVBĐT ngày 03/4/2018 đã được các bên ký kết có nội dung, điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi ký kết, ngân hàng TMCP Đ đã giải ngân đủ số tiền vay cho bà Nguyễn Thị T2. Quá trình thực hiện hợp đồng bà T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, yêu cầu của ngân hàng buộc bà Nguyễn Thị T2 phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 18/8/2025 là 388.853.309 đồng và tiền lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 19/8/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã được ký kết là phù hợp nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng TMCP Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị T2 phải thanh toán cho ngân hàng TMCP Đ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 18/8/2025 là 388.853.309đ (*Ba trăm tám mươi tám triệu tám trăm năm mươi ba nghìn ba trăm linh chín đồng*). Trong đó: Tiền gốc là

150.728.192 đồng, tiền lãi là 238.125.117 đồng. Bà Nguyễn Thị T2 tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/8/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa các bên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T2 phải chịu án phí DSST là: 19.442.600đ (*Mười chín triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm đồng*) – Đã làm tròn số.

Ngân hàng TMCP Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.300.000 đồng (*Chín triệu ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001354 ngày 10/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiện thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 4;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Nguyễn Văn Hùng